

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 339/2018/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Y**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn C, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

- *Bị đơn:* Anh **Lưu Quý Ng**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn C, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 107 và 110 - Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Y và anh Lưu Quý Ng.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị Y và anh Lưu Quý Ng xác định có 02 con chung là Lưu Thị Minh Ch, sinh ngày 12/11/1998 và Lưu Thu Tr, sinh ngày 01/5/2005. Hiện cháu Ch đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; giao cháu Lưu Thu Tr cho chị Nguyễn Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục sau ly hôn, anh Lưu Quý Ng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Y, mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/ tháng, phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng kể từ tháng 01 năm 2019 cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi.

Anh Lưu Quý Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Tr- ờng hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả t- ơng ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền đ- ợc thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

- *Về tài sản chung:* Chị Nguyễn Thị Y và anh Lưu Quý Ng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về vay nợ chung:* Chị Nguyễn Thị Y và anh Lưu Quý Ng không vay nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Y tự nguyện nộp án phí sơ thẩm ly hôn số tiền là 150.000đồng (*Một trăm năm m- ời nghìn đồng*), nh- ng đ- ợc trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Y đã nộp là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000184 ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Y số tiền chênh lệch là 150.000đồng (*Một trăm năm m- ời nghìn đồng*).

Anh Lưu Quý Ng phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 150.000đồng (*Một trăm năm m- ời nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP.Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP.Tuyên Quang (để TH);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND Phường Q;
- tỉnh Thái Nguyên (để biết);
- Lưu hồ sơ VA+ TA

THẨM PHÁN

Phạm Thị Hương Giang

